

Số: 183 /QĐ-BVSNKG

An Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc lựa chọn nhà cung ứng cung cấp Vắc xin tiêm chủng dịch vụ theo Quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội.

### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN - NHI KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ y tế quy định về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Biên bản xét chọn nhà cung ứng cung cấp vắc xin ngày 12/3/2026 của Bệnh viện Sản-Nhi Kiên Giang,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung ứng cung cấp Vắc xin tiêm chủng dịch vụ cho Bệnh viện Sản-Nhi Kiên Giang, cụ thể như sau:

- Tên nhà cung ứng: (phụ lục 1 đính kèm).
- Danh mục Vắc xin cung ứng: (phụ lục 2 danh mục đính kèm).
- Nguồn kinh phí: Nguồn thu từ viện phí.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/03/2027.



**Điều 2.** Giao khoa Dược, phòng Tài chính Kế toán, các phòng khoa và đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược, phòng Tài chính Kế toán, các phòng khoa, đơn vị có liên quan và nhà thầu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*me*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC



Lại Thị Ngọc Diệp





**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH NHÀ CUNG ỨNG**

(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-BVSNKG, ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang)

| STT               | Tên nhà cung ứng  | Số mặt hàng | Giá trị thành tiền   |
|-------------------|---|-------------|----------------------|
| 1                 | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2                  | 6           | 1.716.305.900        |
| 2                 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC | 3           | 846.336.250          |
| 3                 | CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED                          | 3           | 2.408.910.900        |
| 4                 | CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT      | 1           | 158.400.000          |
| 5                 | CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ AMVGROUP                           | 2           | 37.558.500           |
| <b>Tổng cộng:</b> |   | <b>15</b>   | <b>5.167.511.550</b> |



**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC VẮC XIN**

(Kèm theo Quyết định số: 183/QĐ-BVSNKG, ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang)

| STT | Tên thuốc            | Tên hoạt chất   | Nhóm TCKT | Nồng độ, hàm lượng  | Dạng bào chế - Đường dùng  | Số GPLH                     | Hãng sản xuất  | Nước sản xuất   | Quy cách đóng gói   | Đơn vị tính | Số lượng | Giá (Có VAT) (VND) | Thành tiền  | Tên nhà cung ứng  |
|-----|----------------------|---|-----------|---|--|-----------------------------|--|---|---|-------------|----------|--------------------|-------------|---|
| 1   | <b>Infanrix Hexa</b> | Infanrix Hexa<br>(Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib và Viêm gan B) | 1         | Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang | Bột đông khô (Hib) và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp | 300310036823 (QLVX-989-17)  | Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals SA  | Pháp  | Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTPa-HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm  | Liều        | 500      | 945,704            | 472,852,000 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2                  |
| 2   | <b>Hexaxim</b>       | Hexaxim<br>(Vắc xin phối hợp phòng 6 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib và Viêm gan B)       | 1         | Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg              | Hỗn dịch tiêm, tiêm bắp  | 300310038123 (QLVX-1076-17) | Cơ sở sản xuất: Sanofi pasteur; Cơ sở kiểm tra chất lượng bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng lọ vắc xin: Sanofi pasteur; Cơ sở sản xuất Bán thành phẩm cuối, nạp Bán thành phẩm cuối vào bơm tiêm hay vào lọ, đóng gói bao bì thứ cấp đối với sản phẩm đóng trong bơm tiêm hay trong lọ, kiểm tra chất lượng Bán thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng lọ vắc xin: Sanofi pasteur | Pháp  | Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 02 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều (0,5ml) | Bơm tiêm    | 500      | 916,650            | 458,325,000 | Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức |
| 3   | <b>Rotarix</b>       | Rotarix<br>(Vắc xin phòng Tiêu chảy do Rotavirus)   | 1         | Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥106.0 CCID50  | Hỗn dịch uống, Uống  | 540310037023 (QLVX-1049-17) | GlaxoSmithKline Biologicals S.A  | Bi  | Hộp 1 ống x 1,5ml   | Ống         | 500      | 766,835            | 383,417,500 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2                  |
| 4   | <b>M-M-R II</b>      | M-M-R-II<br>(Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi, Quai bị, Rubella)                                      | 1         | Liều 0,5 ml: - Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID50; Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50   | Bột đông khô pha tiêm; Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)                  | 001310197925                | CSSX & đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC.; CSDG cấp 2 & XX: Merck Sharp & Dohme B.V.; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC.  | CSSX & đóng gói cấp 1: Mỹ, CSDG cấp 2 & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ | Hộp 5 lọ vắc xin đơn liều và 5 lọ dung môi  | Lọ          | 300      | 391,781            | 117,534,300 | Công ty TNHH dược phẩm GIGAMED                          |



|   |                |  |   |  |   |                             |  |  |  |          |     |         |             |  |
|---|----------------|--|---|--|---|-----------------------------|--|--|--|----------|-----|---------|-------------|--|
| 5 | Qdenga         | Vắc xin phòng chống sốt xuất huyết   | 5 | Mỗi liều vắc xin 0,5 ml sau khi hoàn nguyên chứa: tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (Virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log_{10}$ PFU; tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (Virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log_{10}$ PFU; tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (Virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log_{10}$ PFU; tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (Virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log_{10}$ PFU | Bột pha tiêm; Tiêm dưới da                    | 400310303924                | IDT Biologika GmbH (Địa chỉ: Am Pharmapark - 06861 Dessau- Rosslau, Đức); Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH (Địa chỉ: Production Site Singen, Robert- Bosch-Str. 8, 78224 Singen, Đức); Cơ sở sản xuất dung môi: Catalent Belgium S.A.(Địa chỉ: Font Saint Landry 10, 1120 Brussels, Bỉ) | Đức  | Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xylanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm  | Liều     | 200 | 960,336 | 192,067,200 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2             |
| 6 | Imojev         | Mỗi liều 0,5ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực (Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản)  | 5 | 4,0 - 5,8 log PFU  | Bột đông khô, Tiêm                            | 885310306024 (QLVX-1108-18) | Global Biotech Products Co., Ltd.  | Thái Lan   | Hộp 01 lọ chứa 01 liều vắc xin bột đông khô và 01 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 01 bơm tiêm và 02 kim tiêm | Lọ       | 300 | 695,218 | 208,565,400 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2             |
| 7 | Varivax        | Oka/Merck varicella virus, live, attenuated (Vắc xin phòng thủy đậu)   | 1 | Mỗi liều 0,5 ml chứa: Oka/Merck varicella virus, live, attenuated $\geq 1350$ PFU/lọ   | Bột đông khô kèm lọ dung môi; Tiêm            | 001310037823 (QLVX-909-15)  | Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.; Cơ sở sản xuất dung môi: Jubilant HollisterStier LLC.  | CSSX & DG sơ cấp: Mỹ, CSĐG thứ cấp & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ                   | Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi  | Lọ       | 120 | 915,805 | 109,896,600 | Công ty TNHH được phẩm GIGAMED                     |
| 8 | Influvac Tetra | Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg (Vắc xin phòng Cúm mùa) | 1 | Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15mcg, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg   | Hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp hoặc tiêm sâu dưới da | 870310304024 (VX3-1228-21)  | Abbott Biologicals B.V.  | Hà Lan   | Hộp 1 xylanh chứa 0,5ml hỗn dịch   | Bơm tiêm | 600 | 264,000 | 158,400,000 | Công ty cổ phần vắc xin và sinh phẩm Nam Hưng Việt |
| 9 | Twinrix        | Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg (Vắc xin phối hợp phòng Viêm gan A và Viêm gan B)   | 1 | 720 Elisa units; 20mcg   | Hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp                       | QLVX-1078-18                | CSSX dạng bảo chế & CS đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG.; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A  | CSSX dạng bảo chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xưởng: Bỉ | Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn một liều vắc xin (1.0 ml) và 1 kim tiêm   | Liều     | 450 | 510,922 | 229,914,900 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2             |

|    |                               |  |   |   |                             |                             |   |        |   |          |     |           |               |   |
|----|-------------------------------|--|---|---|-----------------------------|-----------------------------|---|--------|---|----------|-----|-----------|---------------|---|
| 10 | <b>Heberbiovac HB (20mcg)</b> | Mỗi liều vắc xin 1ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 20mcg (vắc xin phòng viêm gan B)  | 5 | 20mcg/1ml   | Hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp sâu | 850310304424 (QLVX-0624-13) | Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)   | Cuba   | Hộp 1 lọ x 1ml; Hộp 25 lọ x 1ml   | Lọ       | 400 | 79,905    | 31,962,000    | Công ty cổ phần y tế AMVGROUP                           |
| 11 | <b>Heberbiovac HB (10mcg)</b> | Mỗi liều vắc xin 0,5ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%) 10mcg (vắc xin phòng viêm gan B)  | 5 | 10mcg/0.5ml   | Hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp sâu | 850310304224 (QLVX-0748-13) | Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)   | Cuba   | Hộp 1 lọ x 0,5ml; Hộp 25 lọ x 0,5ml   | Lọ       | 100 | 55,965    | 5,596,500     | Công ty cổ phần y tế AMVGROUP                           |
| 12 | <b>Gardasil 9</b>             | Mỗi liều 0,5ml chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58 (Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung 9 chủng)   | 1 | Mỗi liều 0,5ml chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58   | Hỗn dịch tiêm, tiêm bắp     | 001310178700 (VX3-1234-21)  | Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V. | Hoa Kỳ | Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml vắc xin và 2 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml vắc xin, mỗi bơm tiêm kèm theo 2 kim tiêm | Bơm tiêm | 800 | 2,726,850 | 2,181,480,000 | Công ty TNHH dược phẩm GIGAMED                          |
| 13 | <b>Adacel</b>                 | Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tổ uồn ván 5Lf; * Giải độc tổ bạch hầu 2Lf; * Ho gà vô bào: - Giải độc tổ ho gà (PT) 2,5mcg; - FHA 5mcg; - Pertactin (PRN) 3mcg; - Ngưng kết tổ 2 + 3 (FIM) 5mcg (vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uồn ván)   | 5 | 0,5ml/ liều   | Hỗn dịch tiêm; Tiêm bắp     | 754310306124 (QLVX-1077-17) | Sanofi Pasteur Limited  | Canada | Hộp 1 lọ, lọ 1 liều 0,5ml   | Lọ       | 250 | 559,795   | 139,948,750   | Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức |
| 14 | <b>Menquadri</b>              | Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn ván khoảng 55mcg (Vắc xin phòng Não mô cầu A, C, Y) | 1 | Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn ván khoảng 55mcg | Dung dịch tiêm; Tiêm bắp    | 001310047625                | Sanofi Pasteur Inc.   | Hoa Kỳ | Hộp 1 lọ x 1 liều 0,5ml   | Lọ       | 150 | 1,653,750 | 248,062,500   | Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức |



|                   |                |   |   |   |                         |              |                                |   |  |     |     |                      |             |  |
|-------------------|----------------|---|---|---|-------------------------|--------------|--------------------------------|---|--|-----|-----|----------------------|-------------|--|
| 15                | <b>Bexsero</b> | Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. -Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg (Vắc xin ngừa não mô cầu nhóm B) | 1 | Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: -Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. -Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg | Hỗn dịch tiêm, Tiêm bắp | 800310090123 | GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l | Ý | Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm | Hộp | 150 | 1,529,926            | 229,488,900 | Công ty cổ phần Dược Liệu Trung Ương 2 |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |                |   |   |   |                         |              |                                |   |  |     |     | <b>5,167,511,550</b> |             |  |